TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **393**/2020/QĐST-HNGĐ	*TH, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- *Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Ông Đỗ Phượng

Căn cứ vào Điều 212, 213, 215 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1032/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh TH.

* Bị đơn: Chị Bùi Thị Minh N, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Tổ X, phường G, thành phố TH, tỉnh TH.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn T và chị Bùi Thị Minh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị Minh N trực tiếp trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ma Phương T1, sinh ngày 24/01/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh Ma Văn T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Ma Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002558 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH và phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- THA dân sự thành phố TH;
- Các đương sự;
- UBND phường G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc